

KẾ HOẠCH
Kiểm tra chuyên môn đối với cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2026-2027

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 45/2026/TT-BGDĐT; Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số quy định về Điều lệ Trường mầm non, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập và Chương trình giáo dục mầm non.

Căn cứ Quyết định số 1657/QĐ-SGDĐT ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau ban hành Quy định về công tác kiểm tra của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau; Quyết định số 1140/QĐ-SGDĐT ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế sinh hoạt chuyên môn đối với giáo dục mầm non.

Căn cứ Công văn số 6148/SGDĐT-GDMNTH ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2026-2027; Công văn số 6768/SGDĐT-GDMNTH ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục mầm non và sinh hoạt cụm chuyên môn từ năm học 2026-2027.

Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch kiểm tra chuyên môn đối với cơ sở giáo dục mầm non năm học 2026-2027 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá thực chất việc tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non; kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ; mức độ phù hợp giữa kế hoạch, tổ chức thực tế, môi trường giáo dục và sự tham gia, trải nghiệm, tiên bộ của trẻ.

- Kiểm tra việc bảo đảm an toàn thể chất, tinh thần; dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe, tổ chức bán trú, phòng chống tai nạn thương tích, bạo hành, xâm hại, dịch bệnh và các nguy cơ mất an toàn trong cơ sở giáo dục mầm non.

- Kiểm tra việc huy động và duy trì trẻ đến trường, chuyên cần, trẻ chưa ra lớp/trẻ có nguy cơ không được tiếp cận giáo dục.

- Đánh giá chất lượng quản trị nhà trường, đội ngũ, điều kiện bảo đảm chất lượng, công tác tự đánh giá, cải tiến chất lượng, thực hiện các quy định về công khai và trách nhiệm giải trình.

- Kiểm tra việc duy trì và nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn theo Quyết định số 1140/QĐ-SGDĐT và Công văn số 6768/SGDĐT-GDMNTH; bảo đảm sinh hoạt chuyên môn thực chất, tập trung giải quyết vấn đề thực tiễn của trẻ, dựa trên minh chứng, có sản phẩm và có theo dõi việc vận dụng; không hành chính hóa, không dùng để xếp loại cá nhân.

- Phát hiện sớm các khó khăn, vướng mắc, nguy cơ mất an toàn hoặc vi phạm để kịp thời chấn chỉnh; xác định nguyên nhân, trách nhiệm, thời hạn khắc phục; đồng thời phát hiện mô hình, giải pháp hiệu quả để hỗ trợ, chia sẻ và nhân rộng.

- Làm căn cứ để Sở Giáo dục và Đào tạo điều chỉnh công tác chỉ đạo chuyên môn, tư vấn, hỗ trợ và tham mưu giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng nội dung, đúng trình tự, thủ tục; bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, chính xác, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm và không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ sở giáo dục.

- Không trùng lặp, chồng chéo với thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; về nguyên tắc không kiểm tra quá 01 lần/năm đối với một đối tượng, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng hoặc được người có thẩm quyền giao.

- Chuyển mạnh từ kiểm tra hồ sơ sang kiểm tra thực chất; ưu tiên quan sát trẻ, hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, môi trường giáo dục, bữa ăn bán trú, dữ liệu điện tử, sản phẩm của trẻ và kết quả vận dụng chuyên môn.

- Đối với sinh hoạt chuyên môn, kiểm tra chất lượng và mức độ tác động, không kiểm tra theo kiểu đếm số biên bản; không dùng sinh hoạt chuyên môn để xếp loại, so sánh hoặc gây áp lực cho cá nhân.

- Kết quả kiểm tra phải được theo dõi đến khi hoàn thành khắc phục; vấn đề có tính hệ thống phải được tổng hợp thành nội dung hướng dẫn, hỗ trợ hoặc chỉ đạo chung của Sở.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Công tác quản trị nhà trường và các điều kiện bảo đảm chất lượng

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển nhà trường, Kế hoạch năm học.
- Bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; thực hiện chế độ làm việc, chính sách đối với nhà giáo và trẻ em.
- Quy hoạch, khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, học liệu bảo đảm an toàn, hiệu quả.
- Thực hiện công khai theo quy định; công tác quản lý các khoản thu dịch vụ, huy động nguồn lực xã hội hóa.
- Thực hiện tự đánh giá, cải tiến chất lượng và công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ/AI trong quản lý và dạy học.

2. Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và hoạt động chuyên môn

- Xây dựng và thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường/nhóm/lớp phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế.
- Lựa chọn, sử dụng tài liệu hướng dẫn, đồ chơi, học liệu theo đúng quy định của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Đánh giá sự phát triển của trẻ, phương pháp thu thập minh chứng, phân tích và sử dụng kết quả để hỗ trợ trẻ cá nhân hóa/nhóm nhỏ.
- Tổ chức các hoạt động Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số và chuẩn bị tâm thế cho trẻ 5 tuổi vào lớp Một.
- Thực hiện giáo dục hòa nhập, bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục bình đẳng cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn/trẻ khuyết tật.

3. Đổi mới sinh hoạt chuyên môn và phát triển đội ngũ

- Việc triển khai sinh hoạt chuyên môn theo Quyết định số 1140/QĐ-SGDĐT và Công văn số 6768/SGDĐT-GDMNTH.
- Mức độ giải quyết các vấn đề thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; minh chứng vận dụng và sản phẩm đổi mới chuyên môn.
- Hiệu quả tham gia sinh hoạt cụm chuyên môn và hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp cho giáo viên.

4. Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và an toàn trường học

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chế độ dinh dưỡng, thực đơn, công tác quản lý bữa ăn bán trú, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Công tác theo dõi sức khỏe, biểu đồ phát triển, phòng chống dịch bệnh và tai nạn thương tích.

- Việc bảo đảm an toàn thể chất và tinh thần cho trẻ; phòng chống bạo hành, xâm hại trẻ em; công tác rà soát, xử lý các điểm có nguy cơ mất an toàn trong cơ sở GDMN.

5. Công tác huy động trẻ và duy trì sĩ số

- Công tác điều tra, nắm bắt dữ liệu trẻ mầm non trên địa bàn; tỷ lệ huy động trẻ ra lớp (đặc biệt là trẻ độ tuổi nhà trẻ và trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi).

- Các giải pháp duy trì chuyên cần, hỗ trợ trẻ có nguy cơ không được đến trường.

III. HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP

1. Hình thức

- Kiểm tra theo kế hoạch năm học; kiểm tra chuyên đề; kiểm tra kết hợp nhiều nội dung đối với cùng một đối tượng để giảm số lần làm việc.

- Kiểm tra trực tiếp tại cơ sở; kết hợp khai thác dữ liệu điện tử, trao đổi trực tuyến hoặc kiểm tra từ xa khi nội dung và điều kiện cho phép.

- Kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm, phản ánh, kiến nghị, vụ việc cần xác minh hoặc theo yêu cầu của Giám đốc Sở, cấp có thẩm quyền.

2. Phương pháp

- Phân tích dữ liệu kiểm tra; xác định nội dung trọng tâm, phạm vi và phương pháp xác minh.

- Đối chiếu ít nhất 03 nguồn khi phù hợp: kế hoạch/hồ sơ, tổ chức thực tế, kết quả/biểu hiện của trẻ.

- Quan sát trực tiếp hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; kiểm tra bếp ăn, môi trường, điểm nguy cơ; dự giờ, quan sát hoạt động khi cần; trao đổi với người đứng đầu, cán bộ quản lý, tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên và người liên quan.

- Kiểm tra chọn mẫu trẻ, nhóm/lớp, bữa ăn, hồ sơ, sản phẩm, dữ liệu; không yêu cầu cung cấp toàn bộ hồ sơ nếu không cần thiết.

- Đối với sinh hoạt chuyên môn, sử dụng sản phẩm và minh chứng vận dụng làm trọng tâm.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước được giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo; việc thanh toán, quyết toán kinh phí phải đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phòng GDMN-TH xây dựng nội dung kiểm tra chuyên môn GDMN; đề xuất thành phần Đoàn kiểm tra.

- Xây dựng đề cương chuyên môn; chủ trì kiểm tra Chương trình GDMN, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ, sinh hoạt chuyên môn, đánh giá trẻ, bán trú, giáo dục hòa nhập, huy động trẻ, đội ngũ và các nội dung chuyên môn khác.

- Theo dõi việc thực hiện Quyết định số 1140/QĐ-SGDĐT và Công văn số 6768/SGDDT-GDMNTH; sử dụng kết quả kiểm tra để hỗ trợ chuyên môn, điều chỉnh nội dung sinh hoạt cụm và nhân rộng mô hình hiệu quả.

- Tổng hợp khó khăn, vướng mắc có tính hệ thống để tham mưu giải pháp chỉ đạo chung.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường

- Phối hợp với Sở trong cung cấp, đối chiếu dữ liệu trẻ, tình hình huy động, chuyên cần, đội ngũ, cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc địa bàn quản lý.

- Phối hợp tạo điều kiện để cơ sở thực hiện kế hoạch kiểm tra, khắc phục tồn tại và triển khai các giải pháp hỗ trợ.

3. Các cơ sở giáo dục mầm non

- Thực hiện tự kiểm tra, tự đánh giá; cập nhật dữ liệu và minh chứng trung thực, chính xác; chủ động phát hiện nguy cơ và khắc phục.

- Phối hợp đầy đủ với Đoàn kiểm tra; cung cấp thông tin, dữ liệu, minh chứng theo yêu cầu hợp pháp; không lập hồ sơ mới chỉ để phục vụ kiểm tra.

- Tổ chức thực hiện và theo dõi khắc phục; sử dụng kết quả kiểm tra, sinh hoạt chuyên môn và phản hồi của giáo viên để điều chỉnh hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ.

- Bảo đảm dữ liệu, hình ảnh và thông tin của trẻ được sử dụng đúng mục đích, đúng thẩm quyền và bảo vệ quyền riêng tư.

Trên đây là Kế hoạch Kiểm tra chuyên môn đối với cơ sở giáo dục mầm non năm học 2026-2027./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở GD&ĐT;
- UBND các xã, phường;
- Các cơ sở giáo dục mầm non;
- Lưu: VT, GDMN-TH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hồng Nhung

Phụ lục

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO PHỤC VỤ KIỂM TRA

1. Khái quát đơn vị

Quy mô nhóm/lớp, trẻ, điểm trường; loại hình; tổ chức bộ máy; đặc điểm địa bàn.

2. Thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục

Mục tiêu, tổ chức hoạt động, môi trường, điều chỉnh theo trẻ; kết quả nổi bật và khó khăn.

3. Nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ và an toàn

Dinh dưỡng, sức khỏe, bữa ăn, ATTP, điểm nguy cơ, bảo vệ trẻ, xử lý tình huống.

4. Đánh giá sự phát triển của trẻ

Cách thu thập minh chứng, phân tích và sử dụng kết quả; hỗ trợ cá nhân/nhóm nhỏ.

5. Sinh hoạt chuyên môn

Vấn đề ưu tiên; minh chứng; sản phẩm; kết quả vận dụng; nội dung cụm chuyên môn.

6. Huy động trẻ

Dữ liệu trẻ, huy động, chuyên cần, trẻ chưa ra lớp, giải pháp và điều kiện bảo đảm.

7. Đội ngũ và điều kiện bảo đảm

Số lượng, cơ cấu, chuẩn nghề nghiệp, chế độ làm việc, CSVC, thiết bị, đồ chơi, học liệu.

8. Chuyển đổi số và bảo đảm chất lượng

Dữ liệu, hồ sơ điện tử, bảo mật, tự đánh giá, cải tiến chất lượng.

9. Tồn tại, nguyên nhân, giải pháp

Nêu ngắn gọn, có thời hạn và người/đơn vị chịu trách nhiệm.